

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH HY

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thom

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Đào Văn Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa:

*** Nguyên đơn:** chị Lưu Thị T, sinh năm 1991

*** Bị đơn:** anh Lê Đức G, sinh năm 1989.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** cháu Lê Đức Đ, sinh ngày 10/10/2014 và cháu Lê Đức Minh N, sinh ngày 14/6/2017. Cháu Đ, cháu N là con của chị T và anh G. Người giám hộ cho cháu Đ và cháu N là con của chị T, anh G.

Cùng có HKTT: thôn K, xã MH, huyện VL, tỉnh HY.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu Thị T và anh Lê Đức G thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: chị T và anh G thỏa thuận giao hai con chung là cháu Lê Đức Đ 10/10/2014 và Lê Đức Minh N, sinh ngày 14/6/2017 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng/cháu. Thời gian đóng góp cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức và đất ruộng: chị T và anh G tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: chị T tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011963 ngày 14/4/2023, chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành 11 án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VL;
- Chi cục THADS huyện VL;
- UBND xã MH;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm

